

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2019/HS-ST

Ngày: 13-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Hùng Dương;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hường - Kiểm Sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 217/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị Anh T**, sinh năm 1985; tại: Gia Lai; nơi cư trú: Số 623 đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; tạm trú: Số 286, đường Đ, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; tiền án, tiền sự: Không; con ông Trương Đình T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lệ T; bị cáo có 01 con; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2019 cho đến nay, có mặt.

Người làm chứng: Phạm Thị C, Nguyễn Thị D, Nguyễn H, Nguyễn Phương M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Anh T là chủ quán cà phê Ken tại địa chỉ số 286, đường Đ, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng đầu tháng 03/2019, do việc kinh doanh của quán không hiệu quả nên T nảy sinh ý định cho các

nhân viên phục vụ cà phê của quán là Phạm Thị C, sinh năm 1973, ngụ tại thôn T, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Thị D, sinh năm 1976, ngụ tại số 32 D, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai bán dâm với khách để thu tiền bán dâm thì C và D đồng ý. Để thực hiện ý định trên, T sử dụng gác lửng trong quán và phòng trọ số 6 sau quán là địa điểm để mua bán dâm. Khi khách đến quán uống nước có nhu cầu mua dâm với nhân viên của quán thì nhân viên sẽ thỏa thuận với khách nếu khách đồng ý thì nhân viên báo lại cho T và được sự đồng ý của T thì nhân viên mới được bán dâm cho khách tại gác lửng của quán cà phê Ken hoặc tại phòng trọ số 6 phía sau quán cà phê. Sau mỗi lần bán dâm thì nhân viên phải đưa cho T số tiền 70.000 đồng (bảy mươi ngàn đồng), trong đó 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng) là tiền bán nước, còn 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) là tiền cho sử dụng địa điểm để bán dâm. Bình quân mỗi ngày nhân viên của T bán dâm cho khách khoảng từ 04 đến 05 lần và T thu lợi bất chính từ việc bán dâm của nhân viên với số tiền từ 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) đến 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng). Từ đầu tháng 03/2019 đến ngày bị bắt thì T đã thu lợi bất chính với số tiền tổng cộng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Đối với Phạm Thị C, quá trình điều tra C khai nhận C làm nhân viên của quán cà phê Ken do Trương Thị Anh T làm chủ từ tháng 3/2019. C có nhiệm vụ thỏa thuận giá và mua bán dâm với khách đến uống nước tại quán cà phê Ken. Giá bán dâm từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng. Mỗi lần bán dâm tại quán cà phê Ken hoặc phòng trọ số 06 của T thì C phải trả cho T số tiền 70.000 đồng, trong đó 20.000 đồng là tiền bán nước, còn 50.000 đồng là tiền cho sử dụng địa điểm để bán dâm. Mỗi ngày, C bán dâm cho khoảng từ 02 (hai) đến 03 (ba) lượt khách mua dâm. T không trả tiền lương cho C mà C hưởng tiền từ việc bán dâm cho khách.

Đối với Nguyễn Thị D, quá trình điều tra D khai nhận D làm nhân viên của quán cà phê Ken do Trương Thị Anh T làm chủ. D có nhiệm vụ là thỏa thuận giá và mua bán dâm với khách đến uống nước tại quán cà phê Ken. Giá bán dâm là 250.000 đồng. D phải trả cho T số tiền 70.000 đồng, trong đó 20.000 đồng là tiền bán nước, còn 50.000 đồng là tiền cho sử dụng địa điểm để bán dâm. T không trả tiền lương cho D mà D hưởng tiền từ việc bán dâm cho khách.

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 03/5/2019, trong lúc Trương Thị Anh T đang ở quán thì Nguyễn H, sinh năm 1968, ngụ tại khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và Nguyễn Phương M, sinh năm 1982, ngụ tại khu 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến quán uống nước thì C, D ra gợi ý bán dâm và thỏa thuận giá bán dâm với H, M số tiền là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho một lượt bán dâm thì M, H đồng ý. Ngay sau khi thỏa thuận giá cả xong thì C và H đi lên gác lửng của quán cà phê để thực hiện hành vi bán dâm, còn D và M đi ra phòng trọ số 6 phía sau quán cà phê để thực hiện hành vi bán dâm, lúc này T ngồi trước quán để canh giới. Đến khoảng 14 giờ 50 phút ngày 03/5/2019, Đội Cảnh sát Hình sự Công an thành

phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kết hợp cùng Công an phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra hành chính quán cà phê Ken phát hiện bắt quả tang C đang bán dâm cho H, D đang bán dâm cho M, thu giữ: 02 (hai) quần lót nữ, 05 (năm) bao cao su đã qua sử dụng, 20 (hai mươi) bao cao su chưa sử dụng và tư vật thu giữ của Trương Thị Anh T gồm : 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6plus màu vàng gold và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 46A8026557 mang tên chủ hộ Trương Thị Anh T.

Đối với Phạm Thị C, Nguyễn Thị D, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C, D về hành vi “Bán dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình với số tiền phạt 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Đối với Nguyễn H, Nguyễn Phương M, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã tiến hành xác minh nơi cư trú nhưng không có đối tượng nào tên Nguyễn H, Nguyễn Phương M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục xác minh làm rõ khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6plus màu vàng gold thu giữ của Trương Thị Anh T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để xử lý theo quy định.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 46A8026557 mang tên chủ hộ Trương Thị Anh T. Quá trình điều tra xác định giấy tờ trên không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để xử lý theo quy định.

- Đối với 02 (hai) quần lót nữ; 05 (năm) bao cao su đã qua sử dụng; 20 (hai mươi) bao cao su chưa sử dụng. Xét thấy đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Cáo trạng số 228/CT-VKS-HS ngày 03/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Thị Anh T về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị Anh T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng gold và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 46A8026557 mang tên chủ hộ Trương Thị Anh T đã thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 02 (hai) bộ đồ lót nữ; 05 (năm) bao cao su đã qua sử dụng và 20 (hai mươi) bao cao su chưa sử dụng là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Trương Thị Anh T không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can cùng những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Từ đầu tháng 3/2019 đến ngày 03/5/2019, Trương Thị Anh T đã có hành vi nhiều lần sử dụng nơi ở và nơi buôn bán của mình thuộc khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để cho nhân viên của quán là Phạm Thị C và Nguyễn Thị D nhiều lần bán dâm cho khách để thu lợi bất chính với tổng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đến đời sống văn hóa, trật tự trị an tại địa phương và là con đường lây lan nhiều căn bệnh nguy hiểm của xã hội. Bị

cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Cho thấy bị cáo bất chấp hậu quả, xem thường pháp luật nên cần phải xử lý hành vi phạm tội của bị cáo một cách nghiêm minh theo quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về trật tự an toàn công cộng, tội phạm liên quan đến chứa mại dâm. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng gold và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 46A8026557 mang tên chủ hộ Trương Thị Anh T đã thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 02 (hai) bộ đồ lót nữ; 05 (năm) bao cao su đã qua sử dụng và 20 (hai mươi) bao cao su chưa sử dụng là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Anh T phạm tội “Chứa mại dâm”.

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Thị Anh T 05 (Năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2019.

Buộc bị cáo Trương Thị Anh T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

2./ Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ đồ lót; 05 (năm) bao cao su đã qua sử dụng và 20 (hai mươi) bao cao su chưa sử dụng.

- Trả lại bị cáo Trương Thị Anh T 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6 Plus màu vàng gold (không kiểm tra chi tiết tình trạng hoạt động) và 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 46A8026557 mang tên chủ hộ Trương Thị Anh T.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 005.20 ngày 04/10/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

3./ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trương Thị Anh T phải nộp 200.000đ.

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sinh

